TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2019
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Trúc
2. Bà Trần Thị Kia.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ái C, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 05, phường An Phú, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Tấn P, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Tổ H, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam XP, tỉnh P. Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái C trình bày: Chị C và anh Trần Tấn P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường An Phước, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 26/10/2015. Trong quá trình sống chung hạnh phúc với nhau được một thời gian đến ngày 01/01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh P có hành vi bạo lực đối với vợ nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau đó anh P bị kết án và hiện đang chấp hành án tại trại Giam Xuân Phước, tỉnh Phú Yên. Chị C xét thấy tình cảm giữa chị và anh P không còn nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Tấn P. Về con chung: Chị C và anh P có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Kim A, sinh ngày 16/6/2014. Hiện nay, chị C đang nuôi dưỡng nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con

chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Tấn P, có lời trình bày trong hồ sơ như sau: Anh P và chị C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014 sau đó mới đặng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Phước vào ngày 26/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình anh tại Tổ H, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai và có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến đánh đập nhau. Anh P bị kết án 19 năm tù, anh đang chấp hành án tại trại giam XP, tỉnh P từ ngày 01/01/2017 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng cũng không còn. Chị C yêu cầu ly hôn anh P cũng đồng ý nhưng vì đang chấp hành án nên không đến tòa được. Anh P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án ly hôn nói trên và anh đồng ý ly hôn với chị C. Về con chung, anh P và chị C có 1 con chung Trần Nguyễn Kim A, sinh ngày 16/6/2014, từ khi anh chấp hành án thì chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng dưỡng, anh P đồng ý để chị C tiếp tục nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C về yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn P và giao con chung là cháu Trần Nguyễn Kim A, sinh ngày 16/6/2014 cho chị Nguyễn Thị Ái C nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị C không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị C phải chịu số tiền 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ái C yêu cầu ly hôn với anh Trần Tấn P, sinh năm 1995, có hộ khẩu thường trú tại: Tổ H, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai, hiện anh P đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam XP, tỉnh P nhưng đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A thu lý giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết vụ án nói trên là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Trần Tấn P đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái C và anh Trần Tấn P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị C và anh P có phát sinh mâu thuẫn đánh nhau dẫn đến anh P phạm tội và hiện đang chấp hành hình phạt tù. Chị C và anh P không còn tình cảm vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P. Trong lời khai của mình anh P cho rằng vợ chồng có mâu

thuẫn khó đoàn tụ được nên đồng ý ly hôn với chị C nhưng do anh đang chấp hành hình phạt tù nên yêu cầu Tòa án thị xã A xét xử vắng mặt anh. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ái C được ly hôn với anh Trần Tấn P là có cơ sở.

[4] Về con chung: Chị C và anh P có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Kim A, sinh ngày 16/6/2014, hiện nay chị C nuôi dưỡng, phát triển bình thường, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh P cũng đồng ý. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị C, giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị C trình bày chị có việc làm, có thu nhập nên không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Vì thế, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ái C.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ái C được ly hôn với anh Trần Tấn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ái C nuôi con chung là cháu Trần Nguyễn Kim A, sinh ngày 16/6/2014, cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị C không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc

trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ái C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007311 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh Trần Tấn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

4. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2019) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND Phường AP, thị xã A
(Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn